

ĐIỀU LỆ QUỸ

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀNG THÔNG (HTDF)

Tháng 01 / 2022

Mục lục

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
2. CÁC ĐỊNH NGHĨA	6
CHƯƠNG I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	9
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ.....	9
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ	9
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Quỹ.....	9
Điều 4. Tổng vốn huy động.....	9
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn	10
Điều 6. Công ty Quản lý quỹ.....	10
Điều 7. Ngân hàng lưu ký.....	10
CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	11
Điều 8. Mục tiêu đầu tư	11
Điều 9. Chiến lược đầu tư	11
Điều 10. Hạn chế đầu tư.....	12
Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư	13
CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN GÓP VỐN, SỔ ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG ĐƠN VỊ QUỸ	14
Điều 12. Thành viên góp vốn.....	14
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên góp vốn.....	14
Điều 14. Sổ đăng ký Thành viên góp vốn	15
Điều 15. Chuyển nhượng đơn vị quỹ.....	16
Điều 16. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ.....	16
CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	18
Điều 17. Đại hội nhà đầu tư.....	18
Điều 18. Đại hội nhà đầu tư bất thường	19
Điều 19. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư ...	19
CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	23
Điều 20. Ban đại diện quỹ.....	23
Điều 21. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ	24
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ	25
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ	25
Điều 24. Chủ tịch Ban đại diện quỹ.....	26
Điều 25. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ.....	26
Điều 26. Cuộc họp Ban đại diện quỹ	26

Điều 27. Biên bản họp Ban đại diện quỹ.....	27
CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	28
Điều 28. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý quỹ.....	28
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ.....	28
Điều 30. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý quỹ.....	32
Điều 31. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý quỹ	33
CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG LƯU KÝ.....	35
Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Lưu ký.....	35
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Lưu ký.....	35
Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Lưu ký.....	38
CHƯƠNG VIII. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	39
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán	39
Điều 36. Năm tài chính	39
Điều 37. Chế độ kế toán.....	39
Điều 38. Báo cáo tài chính.....	39
Điều 39. Báo cáo khác	40
CHƯƠNG IX. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	41
Điều 40. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	41
Điều 41. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	41
Điều 42. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ..41	
CHƯƠNG X. PHÁT HÀNH THÊM ĐƠN VỊ QUỸ, TĂNG / GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ QUỸ	44
Điều 43. Tăng vốn điều lệ.....	44
Điều 44. Giảm vốn điều lệ	44
Điều 45. Phân chia lợi tức của Quỹ	44
CHƯƠNG XI. GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ	46
Điều 46. Các điều kiện giải thể Quỹ.....	46
Điều 47. Thanh lý tài sản của Quỹ khi giải thể.....	46
CHƯƠNG XII. THU NHẬP, CÁC CHI PHÍ, PHÍ THƯỜNG HOẠT ĐỘNG.....	49
Điều 48. Thu nhập của Quỹ.....	49
Điều 49. Giá dịch vụ quản lý quỹ	49
Điều 50. Giá dịch vụ lưu ký.....	49
Điều 51. Chi phí khác	49
Điều 52. Phí thường hoạt động	50
CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH	51
Điều 53. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty Quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý quỹ.....	51

CHƯƠNG XIV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	52
Điều 54. Công bố thông tin	52
Điều 55. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	52
Điều 56. Đăng ký Điều lệ	52
Điều 57. Điều khoản thi hành	52
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	54
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ.....	56
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG LƯU KÝ.....	57
PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG	58
PHỤ LỤC 5: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH PHÍ, THƯỜNG HOẠT ĐỘNG	63

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu tư Phát triển Hằng Thông (HTDF) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 17/6/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
5. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng với Công ty Quản lý quỹ;
6. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
7. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
8. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
9. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
10. Thông tư 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán;
11. Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
12. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường Chứng khoán Việt Nam;
13. Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán;
14. Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi có những quy định khác, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Quỹ" hay "Quỹ HTDF"	Là Quỹ đầu tư Phát triển Hàng Thông, một quỹ thành viên được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ, có từ 02 đến 99 thành viên tham gia góp vốn và chỉ bao gồm thành viên là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
"Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng"	(sau đây gọi tắt là "Công ty Quản lý quỹ" hay "PHFM") là công ty quản lý quỹ được thành lập và hoạt động theo giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp ngày 28/12/2007, giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/03/2013, giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/12/2013, giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31/12/2013, giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/09/2015, giấy phép điều chỉnh số 98/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 02/11/2021. Công ty Quản lý quỹ được Thành viên góp vốn ủy thác quản lý Quỹ HTDF, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Chương VI của Điều lệ này.
"Ngân hàng Lưu ký"	Là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (gọi tắt là TPBank) được thành lập theo giấy phép số 123/GP-NHNN ngày 05/05/2008 cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các Tổ chức tín dụng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 01/GCN-UBCK ngày 11/05/2011 bởi UBCKNN thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng lưu ký được quy định tại Chương VII của Điều lệ này.
"Công ty Kiểm toán"	Là công ty kiểm toán nằm trong danh sách công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận, được Đại hội nhà đầu tư chỉ định theo quy định tại Điều lệ quỹ và pháp luật Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ HTDF.
"Điều lệ Quỹ"	Bao gồm văn bản này, các phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc huy động vốn lập Quỹ.
"Hợp đồng lưu ký"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Lưu ký được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ HTDF.

"Thành viên góp vốn (Nhà đầu tư)"	Là pháp nhân trong nước và nước ngoài tham gia góp vốn lập Quỹ HTDF và được quy định tại Điều 12 Điều lệ Quỹ.
"Đại hội nhà đầu tư"	Là đại hội của các thành viên góp vốn có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ HTDF thuộc thẩm quyền của Đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ HTDF.
"Ban đại diện quỹ"	Là những người đại diện cho Thành viên góp vốn được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Thành viên góp vốn thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ HTDF, Công ty Quản lý quỹ theo quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật Việt Nam.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Thành viên góp vốn thực góp và được ghi trong Điều lệ này.
"Đơn vị quỹ"	Là chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Thành viên góp vốn đối với một phần vốn góp tại Quỹ.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều 49 Điều lệ này.
"Phí thưởng"	Là phí mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, nếu giá trị tài sản ròng của Quỹ vượt trên mức tham chiếu theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này.
"Cổ tức quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của thành viên góp vốn.
"Ngày đóng quỹ"	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ HTDF theo quy định của pháp luật hiện hành.
"Năm tài chính"	Kỳ kế toán năm là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ HTDF sẽ được tính từ ngày Quỹ HTDF được UBCKNN thông báo bằng văn bản xác nhận Công ty Quản lý quỹ đã báo cáo về việc thành lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Giá trị tài sản ròng của Quỹ"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ HTDF sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ HTDF tại thời điểm định giá (sau đây viết tắt là NAV).
"Ngày định giá"	Là ngày làm việc cuối cùng trong tháng mà Công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ HTDF.
"Người có liên quan"	Theo Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Luật Chứng khoán

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

"UBCKNN"

là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

"Các định nghĩa khác"

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như quy định tại Bản cáo bạch tóm tắt, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn, trừ khi được quy định khác đi, là dẫn chiếu tới các phụ lục, điều và đoạn của Điều lệ này.

Các từ "của Điều lệ này", "trong Điều lệ này" và "theo Điều lệ này" và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập tới toàn bộ Điều lệ này và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thoả thuận nào có nghĩa là dẫn chiếu tới văn kiện hoặc thoả thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thoả thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào. Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới văn bản pháp luật được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.

CHƯƠNG I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên quỹ thành viên:	Quỹ đầu tư Phát triển Hằng Thông
Tên tiếng Anh:	Hang Thong Development Fund
Tên viết tắt:	HTDF
Địa chỉ liên hệ:	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	(+84) 8 5413 7991
Website:	www.phfm.vn

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời hạn hoạt động của Quỹ HTDF là 10 năm (Mười năm) kể từ ngày UBCKNN cấp thông báo xác nhận về việc báo cáo thành lập Quỹ.

Thời hạn hoạt động của Quỹ HTDF có thể được gia hạn thêm theo đề nghị của Công ty Quản lý quỹ và quyết định của Đại hội nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Quỹ

1. Quỹ HTDF là quỹ thành viên hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, hệ thống luật pháp hiện hành và các quy định trong bản Điều lệ này.
2. Trong suốt thời gian hoạt động, Quỹ HTDF không có nghĩa vụ phải mua lại đơn vị quỹ đã được phát hành cho Thành viên góp vốn.
3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ HTDF là Đại hội nhà đầu tư, bao gồm tất cả các Thành viên góp vốn tham gia góp vốn.
4. Ban đại diện quỹ đại diện cho quyền lợi Thành viên góp vốn và do Đại hội nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ và thực hiện các quyền hạn khác theo quy định tại Điều 22 Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổng vốn huy động

1. Tổng vốn của Quỹ HTDF do vốn đóng góp của Thành viên góp vốn tạo thành. Thành viên góp vốn góp vốn bằng tiền Việt Nam Đồng dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ HTDF mở tại Ngân hàng Lưu ký.
2. Vốn tối thiểu của Quỹ HTDF là năm mươi (50) tỷ đồng. Số vốn này được chia thành năm (5) triệu đơn vị quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là mười ngàn (10.000) đồng.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn

1. Quỹ HTDF chỉ định Công ty Quản lý quỹ làm đại diện huy động vốn.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và thực hiện các thủ tục đăng ký lập quỹ với UBCKNN theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Công ty Quản lý quỹ

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng
Tên tiếng Anh:	Phu Hung Fund Management Joint Stock Company
Tên viết tắt:	PHFM
Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007;
Giấy phép điều chỉnh tên công ty:	Số 06/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 03 năm 2013
Giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ:	Số 36/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 12 năm 2013
Giấy phép điều chỉnh bổ sung nghiệp vụ kinh doanh:	Số 40/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2013.
Giấy phép điều chỉnh địa điểm trụ sở chính:	Số 23/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 09 năm 2015
Giấy phép điều chỉnh địa điểm trụ sở chính:	Số 98/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2021
Trụ sở chính:	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(+84) 8 5413 7991

Điều 7. Ngân hàng lưu ký

Tên ngân hàng:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPBank)
Giấy phép thành lập:	Số 123/GP-NHNN, Nơi cấp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngày cấp 05/05/2008
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký:	Số 01/GCN-UBCK, Nơi cấp: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngày cấp: 11/05/2011
Trụ sở chính:	Tòa nhà TPBank, 57 Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại:	(+84) 243 768 8998 Fax: (+84)243 768 8979

CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ HTDF là cung cấp cho Thành viên góp vốn sự tăng trưởng vốn từ trung đến dài hạn.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và đăng ký với UBCKNN.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ HTDF là đầu tư vào danh mục chứng khoán chưa niêm yết và đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các chứng khoán này bao gồm, nhưng không giới hạn, cổ phiếu niêm yết, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu chưa niêm yết và các loại hình đầu tư khác theo quy định của pháp luật. Quỹ HTDF sẽ tập trung chủ yếu vào, nhưng không giới hạn, chứng khoán của các công ty trong lĩnh vực tài chính.

Quỹ HTDF cũng sẽ làm gia tăng giá trị các khoản đầu tư của Quỹ bằng cách hỗ trợ các công ty đầu tư trong việc tái cấu trúc tài chính, phát triển hệ thống quản trị công ty và tăng cường năng lực cạnh tranh.

Các quyết định đầu tư của Quỹ HTDF được thực hiện trên cơ sở quy trình và tiêu chuẩn do Công ty Quản lý quỹ đưa ra dưới sự chấp thuận của Ban đại diện quỹ.

Trong trường hợp được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền, Quỹ HTDF có thể đầu tư ra nước ngoài và phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Cơ cấu đầu tư

Quỹ HTDF sẽ đầu tư theo cơ cấu mục tiêu như sau:

Tỷ trọng	Loại tài sản
25% - 100%	Cổ phiếu
0% - 75%	Chứng khoán có thu nhập cố định
0% - 75%	Tiền và các tài sản khác, kể cả bất động sản

3. Lĩnh vực đầu tư

Quỹ HTDF sẽ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Các lĩnh vực đầu tư chủ yếu mà Quỹ hướng đến là lĩnh vực dịch vụ tài chính, bao gồm ngân hàng, bảo hiểm và các công ty chứng khoán.

- 4. Quỹ HTDF được phép đầu tư vào các tài sản chính sau đây tại Việt Nam:**
- (a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
 - (c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - (d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao chứng khoán của Việt Nam, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - (e) Trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
 - (f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
 - (g) Các chứng khoán và tài sản khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
5. Quỹ HTDF chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều này tại các ngân hàng thương mại đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.
6. Quỹ được tham gia góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
7. Quỹ được đầu tư vào các loại bất động sản đáp ứng điều kiện đưa vào kinh doanh theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản và phải được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản.
8. Quỹ HTDF có thể đầu tư vào các tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ, các tổ chức mà thành viên của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và nhân viên của Công ty Quản lý quỹ là cổ đông hoặc thành viên góp vốn nắm giữ trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Quỹ HTDF được đầu tư vốn và tài sản theo quy định của pháp luật và theo các điều khoản sau đây:
- (a) Không đầu tư vào chính Quỹ;
 - (b) Không được sử dụng vốn, tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 9 của Điều lệ này; không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);
 - (c) Không được bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - (d) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do các công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

- (i) Không đầu tư quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
2. Quỹ được vay thế chấp, thấu chi hoặc các hình thức khác từ Ngân hàng Lưu ký theo nguyên tắc sau:
- (a) Việc vay tài sản phải phù hợp với quy định của pháp luật;
 - (b) Hạn mức vay do Đại hội nhà đầu tư quyết định, nhưng phải bảo đảm tổng nợ và các khoản phải trả của Quỹ không vượt quá 30% tổng tài sản của Quỹ tại mọi thời điểm;
 - (c) Bộ phận tín dụng của Ngân hàng Lưu ký phải tách biệt hoàn toàn về cơ cấu tổ chức và hoạt động đối với bộ phận lưu ký tài sản của Quỹ; hoạt động tín dụng là độc lập với hoạt động lưu ký và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hợp đồng lưu ký;
 - (d) Công ty Quản lý quỹ phải cung cấp thông tin về quyền lợi của Ngân hàng Lưu ký và khả năng xung đột lợi ích cho Đại hội nhà đầu tư xem xét, quyết định.

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu

Quỹ HTDF sẽ áp dụng phương pháp phân tích cơ bản để ra quyết định đầu tư. Dựa vào các tiêu chuẩn tại Điều 9 của Điều lệ này, Quỹ sẽ tập trung chủ yếu vào các công ty trong lĩnh vực dịch vụ tài chính ở Việt Nam để phân bổ vốn. Dữ liệu về kết quả, tình hình hoạt động và quản trị của các công ty này sẽ được thu thập và phân tích cẩn trọng để tìm ra những cổ phiếu tốt với tiềm năng tăng trưởng cao và tình hình tài chính mạnh.

Để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng dài hạn, Quỹ sẽ giữ liên lạc với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc của công ty mà Quỹ đầu tư vào. Quỹ sẽ hỗ trợ các công ty này về mặt quản trị chiến lược và cấu trúc tài chính nhằm làm gia tăng giá trị công ty.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ

Quỹ sẽ áp dụng phương pháp quản trị năng động trong việc đầu tư vào các chứng khoán nợ. Các khoản đầu tư này thường được thực hiện dưới hình thức các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu doanh nghiệp sẽ được lựa chọn dựa trên các tiêu chuẩn ở Điều 9 của Điều lệ này. Quỹ sẽ xem xét các yếu tố lạm phát, lãi suất thị trường và xếp hạng tín nhiệm của tổ chức phát hành để đưa vào mô hình định giá các chứng khoán nợ.

CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN GÓP VỐN, SỔ ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG ĐƠN VỊ QUỸ

Điều 12. Thành viên góp vốn

1. Có từ 02 đến 99 Thành viên góp vốn của Quỹ HTDF, và chỉ bao gồm thành viên là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, sở hữu ít nhất một trăm ngàn (100.000) đơn vị quỹ.
2. Thành viên góp vốn sử dụng nguồn vốn hợp pháp để tham gia góp vốn thành lập Quỹ HTDF.
3. Thành viên góp vốn không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số đơn vị quỹ mà họ sở hữu.
4. Thành viên góp vốn là pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số vốn góp vào Quỹ. Việc đề cử này, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Thành viên góp vốn pháp nhân ký.
5. Việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Thành viên góp vốn pháp nhân không làm ảnh hưởng đến thẩm quyền đại diện của người đại diện theo ủy quyền của Thành viên góp vốn đó tại Đại hội nhà đầu tư trừ khi có thông báo thay đổi theo Khoản 4, Điều này.
6. Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ đơn vị quỹ của Thành viên góp vốn nước ngoài tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên góp vốn

1. Thành viên góp vốn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - (a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 của Luật Chứng khoán;
 - (b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi đơn vị quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - (c) Quyền tự do chuyển nhượng đơn vị quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
 - (d) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
 - (e) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - (f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền góp vốn trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền góp vốn;
 - (g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ.

2. Thành viên góp vốn hoặc nhóm thành viên góp vốn sở hữu từ 5% vốn điều lệ Quỹ có các quyền sau đây:
 - (a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm liên quan đến hoạt động của Quỹ;
 - (b) Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - (i) Có căn cứ xác thực về việc Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký vi phạm quyền của Thành viên góp vốn, hoặc nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, Hợp đồng lưu ký hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - (ii) Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - (c) Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý quỹ phải có công văn trả lời Thành viên góp vốn trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản;
 - (d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
 - (e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên góp vốn hoặc nhóm thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên tổng vốn điều lệ Quỹ có quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
4. Yêu cầu, kiến nghị của Thành viên góp vốn hoặc nhóm Thành viên góp vốn theo quy định tại Khoản 2 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, số vốn góp, thời điểm góp vốn của Thành viên góp vốn; tổng vốn góp, tỷ lệ sở hữu của cả nhóm thành viên; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, Hợp đồng lưu ký.

Điều 14. Sổ đăng ký Thành viên góp vốn

1. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên góp vốn với số lượng vốn đã góp, và lập Sổ đăng ký Thành viên góp vốn với các nội dung chủ yếu sau:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Lưu ký; tên đầy đủ của Quỹ;
 - (b) Tổng số vốn góp của Thành viên góp vốn;

- (c) Danh sách Thành viên góp vốn: tên đầy đủ, tên viết tắt, số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính của Thành viên góp vốn tổ chức; số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); sở hữu vốn góp; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký vốn góp và ngày thanh toán;
 - (d) Ngày lập Sổ đăng ký Thành viên góp vốn.
2. Thông tin về Thành viên góp vốn tại Sổ đăng ký Thành viên góp vốn là căn cứ để chứng thực quyền sở hữu vốn góp của Thành viên góp vốn đó.
 3. Sổ đăng ký Thành viên góp vốn được lưu trữ tại trụ sở Công ty quản lý quỹ hoặc nơi khác và phải được thông báo bằng văn bản cho UBCKNN và tất cả các Thành viên góp vốn biết.

Điều 15. Chuyển nhượng đơn vị quỹ

1. Công ty Quản lý quỹ không có trách nhiệm mua lại đơn vị quỹ theo yêu cầu của Thành viên góp vốn.
2. Thành viên góp vốn được tự do chuyển nhượng phần vốn góp tại Quỹ phải tuân thủ theo các quy định sau:
 - (a) Thành viên góp vốn chỉ được bán, chuyển nhượng và/hoặc chuyển giao Đơn vị quỹ của mình cho tổ chức khác với điều kiện số lượng Thành viên góp vốn sau khi chuyển nhượng không được vượt quá 99 Thành viên và phải bảo đảm chỉ bao gồm thành viên là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
 - (b) Các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, thực hiện mua Đơn vị quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan;
 - (c) Việc chuyển nhượng/chuyển giao phải được thực hiện đối với toàn bộ Đơn vị quỹ hoặc bội số nguyên của các Đơn vị quỹ.
3. Việc chuyển nhượng/chuyển giao chỉ được coi là hoàn tất sau khi bên chuyển nhượng/chuyển giao và bên nhận chuyển nhượng/nhận chuyển giao đã thực hiện xong các thủ tục đăng ký và các thông tin về việc chuyển nhượng được ghi nhận đầy đủ vào sổ đăng ký Thành viên góp vốn và các quy định liên quan của pháp luật (nếu có).

Điều 16. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

1. Trong trường hợp Quỹ đầu tư thua lỗ và có thể dẫn đến phá sản, Ban đại diện quỹ phải hợp xem xét nguyên nhân thua lỗ để quy kết trách nhiệm. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực, ... thì Thành viên góp vốn phải gánh chịu khoản lỗ tương ứng với tỷ lệ góp vốn của họ và sẽ không nhận cổ tức quỹ trong giai đoạn đó. Trong trường hợp đó, Ban đại diện quỹ sẽ xem xét và đề xuất lên Đại hội nhà đầu tư một trong những giải pháp sau:
 - (a) Giữ nguyên mức vốn điều lệ;

- (b) Tăng vốn điều lệ;
 - (c) Giảm vốn điều lệ;
 - (d) Chấm dứt hoạt động của Quý.
2. Việc tăng hay giảm vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư và UBCKNN.
3. Công ty Quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quý do nhân viên của Công ty Quản lý quỹ hoặc Công ty Quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được Thành viên góp vốn nắm giữ đơn vị quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận.

CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 17. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư do Công ty Quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
 - (a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
 - (b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; phương án phân phối lợi tức; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký; thay thế Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký;
 - (c) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi vốn điều lệ của Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
 - (d) Quyết định phương án thanh lý tài sản, phương án phân chia tài sản của Quỹ;
 - (e) Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa Quỹ với Thành viên góp vốn sở hữu trên 35% vốn điều lệ quỹ; người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan của thành viên này. Trong trường hợp này, Thành viên góp vốn có quyền lợi liên quan không được biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số Thành viên góp vốn đại diện cho tối thiểu 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
 - (f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, tổ chức định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - (g) Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
 - (h) Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
 - (i) Được quyền ủy quyền cho Ban đại diện quỹ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền;
 - (j) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
2. Đại hội nhà đầu tư có thể được triệu tập họp thường niên hoặc bất thường, phù hợp quy định pháp luật về doanh nghiệp. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được Công ty Quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty Quản lý quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
3. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc Năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc Năm tài

chính và phải thông báo UBCKNN. Trường hợp Điều lệ quỹ có quy định, việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 18. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - (a) Công ty Quản lý quỹ, hoặc Ban đại diện quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quý;
 - (b) Theo yêu cầu của Thành viên góp vốn hoặc nhóm Thành viên góp vốn quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này;
 - (c) Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng Lưu ký bị đình chỉ hoạt động hay phá sản;
 - (d) Số thành viên Ban đại diện quỹ còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - (e) Nếu cuộc họp Ban Đại diện Quỹ không được tiến hành hợp lệ theo quy định tại Điều 26, các thành viên còn lại của Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Đại diện Quỹ.
2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.
3. Trường hợp Công ty Quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư như quy định tại Khoản 2 Điều này thì Công ty Quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quý (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ thay thế Công ty Quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 19 Điều lệ này.

Điều 19. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư

1. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ quy định nội bộ về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại hội nhà đầu tư với các nội dung chính sau:
 - a) Thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó có thời hạn gửi thông báo và nhận phiếu biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến Thành viên góp vốn bằng văn bản; thủ tục đăng ký tham dự Đại hội nhà đầu tư;
 - b) Phương thức bỏ phiếu; trình tự, thủ tục kiểm phiếu; thông báo kết quả bỏ phiếu;
 - c) Lập và thông qua biên bản Đại hội nhà đầu tư; thông báo nghị quyết Đại hội nhà đầu tư ra công chúng; trình tự, thủ tục phản đối nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư.
2. **Điều kiện tổ chức Đại hội nhà đầu tư:**

- (a) Đại hội nhà đầu tư do Chủ tịch Ban đại diện quỹ chủ trì. Nếu Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt thì bất kỳ người nào khác được Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ là người chủ trì cuộc họp Đại hội nhà đầu tư.
- (b) Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số Thành viên góp vốn tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
- (c) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số thành viên góp vốn tham dự.

3. Hình thức tổ chức Đại hội nhà đầu tư:

- (a) Hình thức tham gia có thể là trực tiếp, hoặc ủy quyền tham gia, hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
- (b) Trường hợp ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội nhà đầu tư, việc ủy quyền phải lập thành văn bản và phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người được ủy quyền dự họp, người đại diện theo pháp luật của Thành viên góp vốn có đóng dấu của Thành viên góp vốn. Người được ủy quyền dự họp Đại hội nhà đầu tư phải nộp văn bản ủy quyền cho người triệu tập cuộc họp trước khi vào phòng họp.

4. Đại hội nhà đầu tư được tiến hành theo thể thức sau:

- (a) Người triệu tập Đại hội nhà đầu tư phải gửi giấy mời họp đến tất cả các Thành viên góp vốn hoặc thông báo mời họp đến tất cả các Thành viên góp vốn chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, địa điểm họp và các tài liệu thảo luận để làm cơ sở thông qua nghị quyết;
- (b) Thành viên góp vốn hoặc nhóm các Thành viên góp vốn nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số đơn vị quỹ trở lên có quyền kiến nghị những vấn đề đưa vào chương trình họp. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ban Đại diện quỹ chậm nhất ba (03) ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên (các) Thành viên góp vốn, số đơn vị quỹ, tỷ lệ vốn góp của (các) Thành viên góp vốn đó và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- (c) Ban Đại diện quỹ có quyền từ chối kiến nghị trong các trường hợp sau:
 - (i) Kiến nghị gửi đến không đúng thời hạn, hoặc không đủ và không đúng nội dung;
 - (ii) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội nhà đầu tư; hoặc
 - (iii) Vấn đề kiến nghị trái với các quy định của pháp luật hiện hành hoặc Điều lệ này.
- (d) Đại hội nhà đầu tư là cơ quan duy nhất có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp quy định tại điểm (a) khoản này.

- (e) Nghị quyết về các vấn đề quy định tại Điểm b, c, d, e Khoản 1 Điều 17 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong các trường hợp khác, Công ty Quản lý quỹ được lấy ý kiến Thành viên góp vốn bằng văn bản, thay vì tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, Ban Đại diện Quỹ phải thực hiện các công việc sau:
- (i) Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến;
 - (ii) Phát hành phiếu lấy ý kiến có nội dung như sau:
 - Tên Quỹ;
 - Các vấn đề cần hỏi ý kiến và danh mục các tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến;
 - Thời hạn cuối cùng gửi ý kiến;
 - Lựa chọn biểu quyết gồm: "nhất trí", "không nhất trí" và "không có ý kiến".
 - (iii) Công ty Quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu ý kiến và tài liệu họp cho Thành viên góp vốn như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư.

5. Thông qua nghị quyết Đại hội nhà đầu tư:

- (a) Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số thành viên góp vốn đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Thành viên góp vốn dự họp tán thành.
- (b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, thì nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số thành viên góp vốn đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Thành viên góp vốn có quyền biểu quyết tán thành.
- (c) Công ty Quản lý quỹ và Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư là không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Thành viên góp vốn bằng văn bản.
- (d) Các Thành viên góp vốn, Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng lưu ký có trách nhiệm tuân thủ nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư.

6. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư:

- (a) Trước khi họp, người chủ trì cuộc họp cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội nhà đầu tư;
- (b) Trong thời hạn bảy (07) ngày, sau khi kết thúc Đại hội nhà đầu tư, hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến Thành viên góp vốn bằng văn bản theo quy định tại điểm e, Khoản 4 Điều này, Công ty Quản lý quỹ phải gửi biên bản và nghị quyết Đại hội nhà đầu tư cung cấp cho Thành viên góp vốn và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ.

- (c) Biên bản Đại hội nhà đầu tư phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Thời gian và địa điểm họp;
 - (ii) Tổng số Thành viên góp vốn dự họp và tổng số đơn vị quỹ mà họ sở hữu;
 - (iii) Chương trình họp;
 - (iv) Các vấn đề biểu quyết, kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề và các quyết định đã được thông qua; và
 - (v) Họ tên và chữ ký của thư ký cuộc họp và Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc người được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền chủ trì cuộc họp.



CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 20. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ đại diện cho Thành viên góp vốn, có từ ba (03) tới mười một (11) thành viên, được bầu tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được Thành viên góp vốn cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:
 - (a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ chậm nhất mười (10) ngày, trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
 - (b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
 - (c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và hội đồng quản trị.
2. Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
3. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.
4. Ban đại diện quỹ có nhiệm kỳ tiêu chuẩn là năm (05) năm. Thành viên của Ban đại diện quỹ có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban đại diện quỹ của nhiệm kỳ vừa kết thúc hoạt động cho đến khi Ban đại diện quỹ mới được bầu và tiếp tục quản lý công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban đại diện quỹ đó.
5. Trường hợp cơ cấu Ban đại diện quỹ không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này, hoặc có thành viên thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 21 của Điều lệ này, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên tạm thời thay thế đáp ứng quy định có liên quan. Công ty Quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin về việc lựa chọn thành viên tạm thời thay thế của Ban đại diện quỹ theo quy định của pháp luật chứng khoán về việc thay đổi thành viên Ban đại diện quỹ. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ cho tới khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Điều 21. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

1. Thành viên Ban đại diện quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:

- (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
- (b) Là người đại diện theo uỷ quyền của Thành viên góp vốn sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số đơn vị Quỹ hoặc có trình độ chuyên môn về quản lý kinh tế, tài chính và am hiểu hoạt động kinh doanh quỹ đầu tư; và
- (c) Thành viên Ban đại diện quỹ là người của Công ty Quản lý quỹ không bị hạn chế bởi tỷ lệ sở hữu quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

2. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:

- (a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án trong hoặc ngoài nước hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;
- (b) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, bị kết án về các tội danh trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm mà chưa được xoá án tích, trong hoặc ngoài nước; người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên trong hoặc ngoài nước;
- (c) Là các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
- (d) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban kiểm soát của doanh nghiệp, chủ nhiệm và các thành viên ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
- (e) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
- (f) Người đã từng bị đình chỉ chức danh chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của pháp luật chuyên ngành, hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức đó bị thu hồi giấy phép;
- (g) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- (h) Là thành viên của trên năm (05) ban đại diện quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

3. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Ban đại diện quỹ:

- (a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

- (b) Là người đại diện phần vốn góp của Thành viên góp vốn tổ chức khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - (c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Thành viên góp vốn tổ chức;
 - (d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
4. Việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền của Thành viên góp vốn là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên Ban đại diện quỹ của Người được cử làm người đại diện theo ủy quyền cũ. Người được cử làm người đại diện theo ủy quyền mới không đương nhiên trở thành thành viên Ban đại diện quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban đại diện quỹ nếu được Đại hội nhà đầu tư bầu theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Thành viên góp vốn; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Thành viên góp vốn;
2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ; phê duyệt hồ sơ huy động vốn và các nội dung có liên quan theo thẩm quyền được giao; Chấp thuận các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận, trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;
3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều 45 Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Lưu ký trên cơ sở quy định của pháp luật; Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động lưu ký;
5. Quyết định các vấn đề sau:
 - (a) Thông qua định hướng phát triển của Quỹ;
 - (b) Thông qua báo cáo tài chính trước khi trình Đại hội nhà đầu tư;
 - (c) Quyết định các vấn đề khác, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên;
 - (d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ

1. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị của công ty niêm yết và quy định của Điều lệ quỹ;
2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ;

3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 24. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư bầu chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập, tức là không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
 - (c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
 - (d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ quỹ.

Điều 25. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

Điều 26. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ họp tối thiểu một (01) lần mỗi quý hoặc theo yêu cầu của Công ty Quản lý quỹ.
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước mười (10) ngày.
3. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (từ 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.
4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.
5. Trong trường hợp Ban Đại diện quỹ xét thấy không cần thiết phải triệu tập cuộc họp để quyết định khẩn cấp một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban đại diện quỹ, Chủ tịch Ban Đại diện quỹ có thể tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Ban đại diện quỹ bằng văn bản, với trình tự các công việc như sau:

- (a) Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan đến tất cả các thành viên Ban đại diện quỹ. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau:
- (i) Tên Quý;
 - (ii) Các vấn đề cần hỏi ý kiến và danh mục tài liệu bổ trợ gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến;
 - (iii) Lựa chọn biểu quyết gồm: "tán thành", "không tán thành" và "không ý kiến";
 - (iv) Thời hạn chót mà các thành viên Ban Đại diện quỹ phải gửi ý kiến trả lời.
- (b) Thông báo bằng văn bản về kết quả hỏi ý kiến và các quyết định được thông qua đến tất cả các thành viên Ban đại diện quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn mà các thành viên Ban đại diện quỹ phải gửi ý kiến trả lời của họ. Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết

Điều 27. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký, chủ tọa và các thành viên Ban đại diện quỹ tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này vẫn có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại Công ty Quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 28. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý quỹ

1. Được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
2. Độc lập hoàn toàn với Ngân hàng Lưu ký;
3. Có đủ năng lực quản lý Quỹ;
4. Chấp nhận thực hiện các cam kết đối với Quỹ như quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ

1. Nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ:

- (a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty Quản lý quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.
- (b) Công ty Quản lý quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.
- (c) Khi quản trị tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ phải:
 - (i) Ký Hợp đồng lưu ký với Ngân hàng Lưu ký; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng Lưu ký;
 - (ii) Trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, Công ty Quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện quỹ phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho Ngân hàng Lưu ký để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của Ngân hàng Lưu ký;
 - (iii) Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho Quỹ; Công ty Quản lý quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng Lưu ký để tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
 - (iv) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại Công ty Quản lý quỹ bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng khách hàng ủy thác. bảo toàn và quản lý tách biệt tài sản của Quỹ HTDF với các quỹ khác mà Công ty Quản lý quỹ đang quản lý, tách biệt tài sản của Quỹ HTDF với tài sản của chính Công ty Quản lý quỹ; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của

Quý; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quý và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;

- (v) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quý trên hệ thống tài khoản Quý được quản lý tại Công ty Quản lý quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quý tại Ngân hàng Lưu ký với các tổ chức phát hành, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân hàng Lưu ký chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản Quý;
 - (vi) Thực hiện việc đầu tư tài sản Quý theo các quy định của pháp luật và quy định tại Điều 9 và Điều 10 Điều lệ quỹ;
 - (vii) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quý. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.
- (d) Công ty Quản lý quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quý và cho bản thân công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho Quý, Ngân hàng Lưu ký và được áp dụng thống nhất.
 - (e) Đảm bảo tất cả giao dịch chứng khoán của thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch Công ty Quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành Quý và nhân viên Công ty Quản lý quỹ phải được báo cáo và quản lý tập trung phù hợp với quy định của pháp luật;
 - (f) Trong hoạt động quản trị quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
 - (i) Xác định giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư của Quý; Giá trị ròng trên một đơn vị quỹ theo quy định của pháp luật và Điều 42 Điều lệ này;
 - (ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác Sổ đăng ký Thành viên góp vốn.
 - (g) Công ty Quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ và Điều lệ quỹ, và không được gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quý.
 - (h) Công ty Quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quý, danh mục tài sản, thông tin về giao dịch tài sản Quý, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ, các thông tin liên quan khác cho Ngân hàng Lưu Ký. Công ty Quản lý quỹ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Lưu ký và tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quý theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty Quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quý với Ngân hàng Lưu ký.

- (i) Công ty Quản lý quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ quỹ.
- (j) Công ty Quản lý quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động và loại hình Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.
- (k) Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty Quản lý quỹ hoặc do Công ty Quản lý quỹ không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- (l) Công ty Quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều này.
- (m) Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
- (n) Trong trường hợp Quỹ có thành viên góp vốn nước ngoài, Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm việc đầu tư tài sản của Quỹ tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.
- (o) Việc sử dụng tài sản Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Đại hội nhà đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.
- (p) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty Quản lý quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau, trừ trường hợp Công ty Quản lý quỹ đã cung cấp đầy đủ thông tin về lợi ích của Công ty Quản lý quỹ với công ty chứng khoán liên quan và Quỹ có văn bản chấp thuận không cần áp dụng các quy định này:
 - a. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của tổ chức đó; và
 - b. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của tổ chức đó.

- (q) Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quý, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quý và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu
- (r) Công ty Quản lý quỹ phải đảm bảo:
 - (i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;
 - (ii) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.
 - (iii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của Công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
- (s) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hướng dẫn về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

2. Quyền của Công ty Quản lý quỹ:

- (a) Lựa chọn Ngân hàng Lưu ký theo Điều 32 của Điều lệ này;
- (b) Ủy quyền cho Ngân hàng Lưu ký và các bên cung cấp dịch vụ có liên quan thực hiện một số hay tất cả các hoạt động quản trị quỹ. Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và phải đảm bảo việc ủy quyền không gây ảnh hưởng xấu tới lợi ích của Thành viên góp vốn; Từ chối phát hành đơn vị quỹ cho tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật;
- (c) Nhân danh Quỹ, thực hiện tất cả các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với tài sản do Quỹ sở hữu theo quy định của pháp luật;
- (d) Nhận các khoản thu nhập theo quy định tại Điều 49 Điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành;
- (e) Thực hiện kinh doanh và cung cấp các dịch vụ theo quy định của pháp luật;
- (f) Tham gia vào các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư định kỳ và bất thường và Ban đại diện quỹ;
- (g) Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật.

Điều 30. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý quỹ

1. Công ty Quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - (a) Tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đề nghị đó được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
 - (b) Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư;
 - (c) Công ty Quản lý quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng Khoán;
 - (d) Tổ chức lại công ty Quản lý quỹ;
 - (e) Quỹ hết thời gian hoạt động;
2. Công ty Quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều này.
3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ, công ty quản lý quỹ thay thế có trách nhiệm:
 - (a) thông báo cho UBCKNN và gửi kèm các tài liệu sau: hợp đồng nguyên tắc về việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ bị thay thế; hợp đồng nguyên tắc về ủy thác đầu tư giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ thay thế; phương án bàn giao quyền, nghĩa vụ giữa hai công ty quản lý quỹ, hợp đồng nguyên tắc về lưu ký tài sản và các hợp đồng, tài liệu có liên quan. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi gửi thông báo, công ty quản lý quỹ thay thế công bố thông tin về việc tiếp nhận bàn giao quản lý tài sản ủy thác trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, thông báo cho Ngân hàng Lưu ký, đồng thời các công ty quản lý quỹ thực hiện phương án bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác;
 - (b) đề nghị UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ liên quan đến việc thay đổi công ty quản lý quỹ.
4. Trong trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ đối với Quỹ chỉ chấm dứt từ thời điểm Công ty Quản lý quỹ hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ. Việc bàn giao công việc quản lý giữa Công ty Quản lý quỹ và công ty quản lý quỹ thay thế phải được lập thành văn bản và có xác nhận của Ban Đại diện quỹ và Ngân hàng lưu ký và Công ty Quản lý quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo UBCKNN theo quy định của pháp luật.
5. Công ty Quản lý quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với Quỹ mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 31. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý quỹ

1. Công ty Quản lý quỹ không là người có liên quan của Ngân hàng Lưu ký của Quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân hàng Lưu ký và ngược lại.
2. Thành viên hội đồng quản trị, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều 49 Điều lệ quỹ.
3. Công ty Quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý quỹ chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản của Quỹ theo nguyên tắc sau:
 - (a) Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán;
 - (b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của Ban đại diện quỹ. Văn bản chấp thuận của Ban đại diện quỹ phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
5. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ phải đảm bảo:
 - (a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý, ngoại trừ Quỹ chỉ định đầu tư;
 - (b) Không được sử dụng tài sản Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác;
 - (c) Chỉ sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phái sinh niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán với mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ. Việc đầu tư tài sản của Quỹ vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán;
 - (d) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với Quỹ về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc bảo đảm Quỹ không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định; không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; không trực

tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư;

- (e) không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho Quỹ;
6. Công ty Quản lý quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn Quỹ để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của Quỹ là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
- (a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Quỹ hoặc Ban đại diện quỹ về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
 - (b) Công ty Quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.
7. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
8. Công ty Quản lý quỹ được nhận thưởng hoạt động theo quy định tại Điều lệ này. Mức thưởng bảo đảm tuân thủ nguyên tắc sau:
- (a) Được tính trên cơ sở phần lợi nhuận hằng năm của Quỹ vượt trội so với lợi nhuận tham chiếu được xác định dựa vào tỷ lệ tăng trưởng chỉ số thị trường, cơ cấu danh mục đầu tư;
 - (b) Phải tính giảm trừ, hoặc không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư tại các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp.
9. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG LƯU KÝ

Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Lưu ký

Ngân hàng Lưu ký được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại có giấy phép hoạt động lưu ký hoặc giám sát do UBCKNN cấp và đáp ứng yêu cầu về số lượng nhân viên nghiệp vụ theo quy định của pháp luật;
2. Có đủ năng lực cung cấp dịch vụ lưu ký;
3. Ngân hàng Lưu ký, thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành và nhân viên của Ngân hàng Lưu ký trực tiếp làm nhiệm vụ lưu ký tài sản Quý (sau đây gọi tắt là nhân viên nghiệp vụ) không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, quan hệ vay và cho vay với Công ty Quản lý quỹ và ngược lại;
4. Ngân hàng Lưu ký, thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, người điều hành trực tiếp và nhân viên nghiệp vụ không được là các đối tác trong các giao dịch mua và bán tài sản Quý, trừ trường hợp các giao dịch ngoại hối phù hợp với quy định của pháp luật liên quan, hoặc các giao dịch chứng khoán thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán.
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quý như quy định tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Lưu ký

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Lưu ký:

- (a) Trách nhiệm của Ngân hàng Lưu ký trong hoạt động lưu ký tài sản của Quý:
 - (i) Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ thực hiện việc đăng ký tài sản của Quý dưới tên của Quý trong thời gian sớm nhất theo các điều khoản hợp đồng kinh tế giữa Quý (thông qua Công ty Quản lý quỹ) và đối tác và theo các quy định của pháp luật liên quan; bảo đảm toàn bộ tài sản của Quý phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam phải được đăng ký sở hữu thuộc Quý và lưu ký đầy đủ tại Ngân hàng Lưu ký theo nguyên tắc sau:
 - a. Trường hợp tài sản có đăng ký sở hữu, thì đăng ký, ghi nhận dưới tên chủ sở hữu là Quý, trừ trường hợp tài sản phải đăng ký, ghi nhận dưới tên của Ngân hàng Lưu ký hoặc tổ chức lưu ký phụ hoặc Công ty Quản lý quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời, lưu ký tại Ngân hàng Lưu ký. Bản gốc các tài liệu pháp lý xác nhận quyền sở hữu tài sản phải được lưu ký và gửi kho quỹ đầy đủ tại Ngân hàng Lưu ký, trừ trường hợp là chứng khoán đã đăng ký, lưu ký tập trung. Trường hợp tài sản là bất động sản, Ngân hàng Lưu ký phải bảo đảm có đầy đủ tài liệu pháp lý về quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định. Trường hợp là chứng khoán phát hành dưới hình thức ghi sổ, hoặc việc chuyển quyền sở hữu cho Quý chưa hoàn tất, hợp đồng mua bán gốc và giao dịch thanh toán mua phải được lưu ký tại Ngân hàng Lưu ký;

Trường hợp tài sản không được đăng ký sở hữu, hoặc chưa được kịp thời chuyển quyền sở hữu cho Quý trong thời hạn quy

định tại các thỏa thuận phát hành, hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng đầu tư hoặc các hợp đồng kinh tế tương đương, Ngân hàng Lưu ký có trách nhiệm xác nhận rõ về tình trạng lưu ký và đăng ký tài sản này tại các báo cáo định kỳ được lập theo quy định pháp luật có liên quan, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho Ban đại diện quỹ.

- b. Trường hợp là loại tài sản không có đăng ký sở hữu, thì bản gốc hoặc bản sao hợp lệ của hợp đồng giao dịch và chứng từ giao dịch phải được lưu ký tại Ngân hàng Lưu ký;
 - c. Trường hợp là tiền gửi ngân hàng, hợp đồng tiền gửi, Ngân hàng Lưu ký có quyền và trách nhiệm yêu cầu Công ty Quản lý quỹ cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của Quý. Ngân hàng lưu ký có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của Quý;
 - d. Ngân hàng Lưu ký có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông hoặc các tổ chức tương đương khác về khối lượng, giá trị tài sản của Quý bảo đảm việc lưu ký tài sản tuân thủ theo quy định.
- (ii) Quản lý và lưu ký tách biệt tài sản của Quý; tách biệt tài sản của Quý với tài sản của Ngân hàng Lưu ký và tách biệt với các tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Lưu ký. Quý được mở một tài khoản lưu ký chứng khoán riêng biệt, tách biệt với tài khoản lưu ký chứng khoán của các cá nhân, tổ chức khác, kể cả là của Công ty Quản lý quỹ;
 - (iii) Công ty Quản lý quỹ là đại diện được ủy quyền thực hiện các giao dịch tài sản của Quý. Việc chuyển giao tài sản của Quý trong hoạt động đầu tư, thoái vốn đầu tư chỉ được thực hiện theo chỉ thị bằng văn bản của Công ty Quản lý quỹ theo đúng quy định tại Hợp đồng lưu ký;
 - (iv) Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao dịch chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác thì phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của Quý, các tài khoản của Quý. Giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán;
 - (v) Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời, theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý quỹ; thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của Quý, kể cả các thủ tục thanh, quyết toán thuế đối với Quý;
 - (vi) Xác nhận các báo cáo về tài sản của Quý do Công ty Quản lý quỹ lập, bảo đảm khối lượng tài sản trong báo cáo là đúng, đầy đủ, chính xác với thực trạng tài sản lưu ký tại Ngân hàng.

- (b) Ngân hàng Lưu ký không được sử dụng tài sản của Quý để thanh toán, bảo lãnh thanh toán cho các khoản nợ của mình hoặc cho bên thứ ba, kể cả cho Công ty Quản lý quỹ.
- (c) Các giao dịch cho Quý trên tài khoản của Ngân hàng lưu ký, kể cả các hoạt động nhận tiền, thanh toán giao dịch, nhận cổ tức, lãi trái phiếu và các khoản thu nhập khác, phải được xác định rõ là thuộc về Quý. Trường hợp giao dịch trên tài khoản hoặc đứng danh của tổ chức lưu ký phụ theo pháp luật có liên quan, các giao dịch này và tài sản trong giao dịch phải được xác định rõ là thuộc về Quý, thông qua Ngân hàng Lưu ký.
- (d) Ngân hàng Lưu ký phải có hệ thống kỹ thuật phù hợp để tự động tiếp nhận, theo dõi, thực hiện và hạch toán các giao dịch liên quan tới tài sản trên tài khoản của Quý, ngoại trừ trường hợp có những chỉ thị cụ thể khác bằng văn bản của Công ty Quản lý quỹ. Hệ thống này phải đảm bảo đáp ứng các nội dung cơ bản sau:
 - (i) Có sổ sách kế toán để ghi nhận toàn bộ, đầy đủ, chính xác, kịp thời tài sản của các quỹ. Mọi thay đổi liên quan tới tài sản cũng phải được phản ánh toàn bộ, đầy đủ, chính xác, kịp thời;
 - (ii) Thu, chi, hạch toán cổ tức, lãi trái phiếu, lãi vốn và các khoản thu nhập;
 - (iii) Hạch toán chứng khoán, đơn vị quỹ trong các giao dịch mua lại, phát hành thêm hoặc chuyển đổi.
- (e) Ngân hàng Lưu ký chịu trách nhiệm bồi thường đầy đủ cho Quý trong trường hợp làm thất thoát tài sản của Quý đã lưu ký và gửi kho quỹ tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật, kể cả trong trường hợp do lỗi hoặc hành vi lừa đảo của nhân viên của Ngân hàng, hoặc do sự cấu thả, không cẩn thận của Ngân hàng.
- (f) Ngân hàng Lưu ký chịu trách nhiệm bồi thường đầy đủ cho Quý trong trường hợp tổ chức lưu ký phụ làm thất thoát tài sản của Quý, trừ trường hợp:
 - (i) Thuộc các trường hợp bất khả kháng, nằm ngoài sự kiểm soát của Ngân hàng Lưu ký, mà đã được quy định rõ về việc miễn trừ trách nhiệm đối với Ngân hàng Lưu ký theo các điều khoản liên quan tại Hợp đồng lưu ký;
 - (ii) Tổ chức lưu ký phụ có trách nhiệm bồi thường cho Quý và Hợp đồng lưu ký phụ có điều khoản cho phép Công ty Quản lý quỹ thay mặt cho Quý yêu cầu tổ chức lưu ký phụ phải bồi thường theo hợp đồng;
 - (iii) Ngân hàng Lưu ký đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm thẩm định và các hoạt động liên quan tới việc ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật.
- (g) Ngân hàng Lưu ký có trách nhiệm lập, báo cáo và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng lưu ký;
- (h) Ngân hàng Lưu ký phải hoàn toàn tuân thủ các quy định của Luật Chứng Khoán, luật có liên quan, Điều lệ quỹ và Hợp đồng lưu ký.

2. Quyền của Ngân hàng Lưu ký:

- (a) Nhận giá dịch vụ lưu ký như quy định tại Điều 50 Điều lệ quỹ và theo quy định của pháp luật;
- (b) Ngân hàng Lưu ký có quyền yêu cầu Công ty Quản lý quỹ cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quý, đảm bảo rằng Ngân hàng Lưu ký có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quý, Công ty Quản lý quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quý của Ngân hàng Lưu ký

1. Ngân hàng Lưu ký chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quý trong các trường hợp sau:
 - (a) Ngân hàng Lưu ký bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;
 - (b) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng lưu ký;
 - (c) Quý hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - (d) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
2. Công ty Quản lý quỹ báo cáo UBCKNN và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.
3. Quyền và nghĩa vụ đối với Quý của Ngân hàng Lưu ký chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quý cho ngân hàng lưu ký thay thế. Ngân hàng Lưu ký thay thế phải lập và gửi UBCKNN biên bản bàn giao giữa hai ngân hàng lưu ký có xác nhận của Công ty Quản lý quỹ và Ban đại diện quỹ.
4. Trường hợp Ngân hàng Lưu ký chuyển đổi tư cách pháp nhân, Ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký tại Ngân hàng cũ.

CHƯƠNG VIII. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

1. Mỗi năm, Công ty Quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán với Ban đại diện quỹ để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính và tài sản cho Quỹ. Ban đại diện Quỹ sẽ trình cho Đại hội nhà đầu tư quyết định việc lựa chọn Công ty Kiểm toán. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - (a) Có giấy phép kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;
 - (b) Có đủ năng lực cung cấp dịch vụ kiểm toán;
 - (c) Được sự đồng ý của UBCKNN để cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ;
 - (d) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng Lưu ký.

2. Công ty Kiểm toán được chỉ định phải cam kết bảo mật mọi thông tin về hoạt động đầu tư, các giao dịch và các thông tin khác của Quỹ và Công ty Quản lý quỹ và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ của Công ty Kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán và Điều lệ này, bất kỳ thông tin nào liên quan đến tình hình tài chính và hoạt động của Quỹ mà Công ty Kiểm toán nhận được hoặc biết được qua quá trình thực hiện chức năng là Công ty Kiểm toán, trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

Điều 36. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày được UBCKNN thông báo bằng văn bản xác nhận việc báo cáo thành lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 37. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 38. Báo cáo tài chính

1. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để mô tả hoạt động kinh doanh của Quỹ.
2. Các báo cáo tài chính phải được kiểm toán độc lập hàng năm bởi một công ty kiểm toán được lựa chọn. Bản sao báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ sẽ được gửi tới từng thành viên Ban đại diện quỹ và các Thành viên góp vốn để tham khảo.
3. Công ty Quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính.

Điều 39. Báo cáo khác

Công ty Quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về báo cáo và công bố thông tin về hoạt động của Quỹ.



CHƯƠNG IX. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 40. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công ty Quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều 42 Điều lệ này.
2. Công ty Quản lý quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Lưu ký xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ của Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Lưu ký phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ mỗi tháng một lần và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 41. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Hằng năm, Công ty Quản lý quỹ lựa chọn và trình Ban đại diện quỹ để chấp thuận danh sách các nhà cung cấp dịch vụ báo giá để cung cấp dịch vụ báo giá cho Quỹ. Nhà cung cấp báo giá được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - (a) Có chức năng và được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ báo giá;
 - (b) Có đầy đủ năng lực cung cấp giá;
 - (c) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng Lưu ký.
2. Việc thay đổi tổ chức cung cấp báo giá được thực hiện khi xảy ra một trong số các sự kiện sau:
 - (a) Tổ chức cung cấp báo giá không có chức năng cung cấp dịch vụ báo giá hoặc bị rút giấy phép cung cấp dịch vụ báo giá;
 - (b) Tổ chức cung cấp báo giá trở thành người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng Lưu ký.

Điều 42. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Ngày định giá

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tháng vào Ngày định giá. Ngày định giá là ngày làm việc cuối cùng của tháng mà Công ty quản lý quỹ tính giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ thay đổi Ngày định giá, Công ty Quản lý quỹ phải có được sự chấp thuận của Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện.

2. Phương pháp định giá:

- (a) Giá trị tài sản ròng của Quỹ được tính bằng cách lấy tổng giá trị các tài sản của Quỹ trừ đi tổng các khoản nợ của Quỹ, bao gồm tất cả các khoản phí và các khoản phải trả vào ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng (NAV) = Tổng tài sản của Quỹ – Tổng các khoản nợ của Quỹ

Trong đó:

- Tổng tài sản của Quỹ là giá trị các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi, lợi nhuận được chia, lãi tiền gửi ngân hàng và tiền chưa dùng để đầu tư tính đến Ngày định giá.
- Tổng nợ của Quỹ gồm các khoản nợ và nghĩa vụ của Quỹ tính đến Ngày định giá.

- (b) Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó:

- V: Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ
- N: Tổng số đơn vị quỹ

- (c) Xác định giá trị tài sản Quỹ

- (i) Giá trị các khoản đầu tư của Quỹ

(Tham khảo chi tiết tại Mục I, Phụ lục IV: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng)

- (ii) Cổ tức, lãi, lợi nhuận

- a. Cổ tức của cổ phiếu
- b. Lãi của trái phiếu
- c. Lợi nhuận từ các khoản đầu tư của Quỹ

- (iii) Lãi tiền gửi ngân hàng và tiền chưa dùng để đầu tư

Số dư tiền gửi ngân hàng của Quỹ tại Ngân hàng Lưu ký, bao gồm khoản tiền chưa được sử dụng để đầu tư và lãi cộng dồn từ khoản tiền đó, tính tới Ngày định giá.

3. Quy trình định giá tài sản Quỹ

- (a) Trước Ngày định giá: tất cả các giao dịch tính tới Ngày định giá sẽ được ghi nhận theo nguyên tắc kế toán quỹ tại ngày phát sinh:

- (i) Các giao dịch mua bán chứng khoán;

- (ii) Các giao dịch thanh toán chi phí liên quan đến hoạt động của Quỹ và các giao dịch tiền gửi;
 - (iii) Các sự kiện về công ty liên quan tới chứng khoán mà Quỹ nắm giữ được ghi nhận trên cơ sở ngày giao dịch không hưởng quyền;
 - (iv) Đối chiếu tất cả các số dư tiền và chứng khoán với Ngân hàng Lưu ký.
- (b) Vào Ngày định giá:
- (i) Tổng hợp các khoản dự thu như lãi ngân hàng tính đến ngày trước Ngày định giá;
 - (ii) Tổng hợp các khoản dự chi và các chi phí có liên quan tính đến ngày trước Ngày định giá (như phí quản lý quỹ, phí ngân hàng lưu ký, phí ngân hàng...);
 - (iii) Đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại Ngân hàng Lưu ký;
 - (iv) Thu thập giá thị trường các chứng khoán từ các nguồn chính thức và đáng tin cậy (Sở Giao dịch chứng khoán, Bloomberg, Reuters...);
 - (v) Áp dụng phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ theo các quy định tại Điều này.

CHƯƠNG X. PHÁT HÀNH THÊM ĐƠN VỊ QUỸ, TĂNG / GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều 43. Tăng vốn điều lệ

1. Quý có thể tăng vốn bằng cách huy động vốn từ Thành viên góp vốn hiện hữu thông qua phát hành quyền mua đơn vị quỹ. Quyền mua đơn vị quỹ được phép chuyển nhượng. Trường hợp Thành viên góp vốn hiện hữu không thực hiện quyền mua đơn vị quỹ, Công ty Quản lý quỹ được chào bán phần đơn vị quỹ còn dư cho các Thành viên góp vốn khác.
2. Sau khi tăng vốn điều lệ Quý vẫn đáp ứng quy định tối đa 99 thành viên và chỉ bao gồm Thành viên góp vốn pháp nhân đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước.
3. Trường hợp tăng vốn điều lệ Quý, Công ty Quản lý quỹ phải không bị đặt trong tình trạng kiểm soát hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động hoặc đang trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, giải thể hoặc phá sản.
4. Phương án huy động thêm để tăng vốn điều lệ phải được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
5. Trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi hoàn tất việc tăng vốn điều lệ, Công ty Quản lý quỹ phải thông báo cho UBCKNN về việc tăng vốn của Quý.

Điều 44. Giảm vốn điều lệ

1. Trong trường hợp giảm vốn, tài sản phân bổ cho các Thành viên góp vốn có thể là tiền hoặc các tài sản khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm phân bổ tài sản một cách công bằng tương ứng với tỷ lệ vốn góp của mỗi Thành viên góp vốn. Việc chuyển tên, đăng ký sở hữu tài sản cho các Thành viên góp vốn, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.
2. Trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi hoàn tất việc giảm vốn điều lệ, Công ty Quản lý quỹ phải thông báo cho UBCKNN về việc giảm vốn của Quý.

Điều 45. Phân chia lợi tức của Quý

Dựa vào kết quả hoạt động hàng năm của Quý, lợi tức Quý sẽ được chia cho các Thành viên góp vốn theo đề xuất của Ban đại diện quỹ được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Việc phân phối lợi tức Quý đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Lợi nhuận phân phối cho các Thành viên góp vốn góp vốn được trích từ lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (nếu có) và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định của pháp luật.
2. Sau khi phân phối lợi nhuận cho các Thành viên góp vốn góp vốn, Quý vẫn phải đảm bảo khả năng thanh toán mọi khoản nợ đến hạn phải trả và các nghĩa vụ tài chính khác của Quý và đảm bảo giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.
3. Mức chi trả lợi tức sẽ do Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ quyết định phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quý.

4. Trường hợp phân phối lợi tức bằng đơn vị quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
5. Chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày phân phối lợi nhuận, Công ty Quản lý quỹ phải lập danh sách các Thành viên góp vốn có quyền nhận lợi nhuận, tính toán mức lợi nhuận phân phối đối với các Đơn vị quỹ, thời hạn và hình thức trả lợi nhuận.
6. Thông báo về phân phối lợi nhuận phải được gửi đến từng Thành viên góp vốn chậm nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc trước khi thực hiện phân phối lợi nhuận. Thông báo ghi rõ tên Quỹ, tên và địa chỉ của Thành viên góp vốn, số lượng đơn vị quỹ của Thành viên góp vốn, tỷ lệ lợi nhuận phân phối và tổng giá trị lợi nhuận phân phối mà Thành viên góp vốn đó được nhận và phương thức chi trả phần lợi nhuận được phân phối.
7. Thành viên góp vốn tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế thu nhập và các khoản thuế khác (nếu có) đánh trên thu nhập của mình. Công ty Quản lý quỹ có quyền khấu trừ các khoản thuế thu nhập này trước khi chi trả cổ tức cho Thành viên góp vốn phù hợp với phương pháp nộp thuế mà Thành viên góp vốn đã đăng ký với Công ty Quản lý quỹ.

CHƯƠNG XI. GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ

Điều 46. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư quyết định việc giải thể Quỹ.
2. Đại hội nhà đầu tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của Quỹ cho thành viên; hoặc duy trì hoạt động của Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
3. Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Thành viên góp vốn theo phương án đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Thành viên góp vốn thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 năm kể từ ngày giải thể Quỹ. Quá hạn nêu trên, Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký thực hiện hoàn trả danh mục cho Thành viên góp vốn theo quy định tại Khoản 3 Điều 47 của Điều lệ này. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ lưu ký và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
4. Đại hội nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể quỹ. Kể từ ngày giải thể quỹ, Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký không được:
 - (a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
 - (b) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
 - (c) Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
 - (d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia; hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
 - (e) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.

Điều 47. Thanh lý tài sản của Quỹ khi giải thể

1. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:
 - (a) Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - (b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - (c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.
2. Công ty Quản lý quỹ Ngân hàng Lưu ký khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm:

- (a) Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.
 - (b) Đối với tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải được sự chấp thuận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Điều lệ này.
3. Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký hoàn trả danh mục của Quỹ cho Thành viên góp vốn tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Thành viên góp vốn. Việc hoàn trả danh mục cho Thành viên góp vốn phải đảm bảo nguyên tắc:
- (a) Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại khoản 4 Điều này;
 - (b) Danh mục hoàn trả cho Thành viên góp vốn phải đầy đủ các loại tài sản có trong danh mục của Quỹ, cơ cấu từng tài sản giống như danh mục của Quỹ theo phương án thanh lý và phân phối tài sản;
 - (c) Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Thành viên góp vốn được Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký thực hiện theo hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - (d) Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho Thành viên góp vốn. Việc hoàn trả hoàn tất khi Thành viên góp vốn đã được đăng ký sở hữu tài sản.
4. Tiền thu được từ thanh lý tài sản Quỹ và các tài sản còn lại được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:
- (a) Thanh toán nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;
 - (b) Các khoản phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng lưu ký, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể Quỹ.;
 - (c) Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho Thành viên góp vốn tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Thành viên góp vốn trong Quỹ. Trường hợp là các tài sản đăng ký sở hữu, Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký có trách nhiệm yêu cầu Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư (đối với chứng khoán chưa đăng ký lưu ký, phần vốn góp) thực hiện việc phân bổ và đăng ký sở hữu tài sản cho Thành viên góp vốn.
5. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân hàng Lưu ký, Công ty Quản lý quỹ (nếu có) và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
6. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty Quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Thành viên góp vốn về giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo mẫu quy định.
7. Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký, và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu

giả mạo, Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Lưu ký, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.



CHƯƠNG XII. THU NHẬP, CÁC CHI PHÍ, PHÍ THƯỜNG HOẠT ĐỘNG

Điều 48. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi, chênh lệch giữa việc bán và mua phát sinh từ hoạt động đầu tư của Quỹ. Do mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng vốn trong dài hạn nên thu nhập hằng năm của Quỹ sẽ là không đáng kể.

Điều 49. Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày định giá và được trả hàng tháng cho Công ty Quản lý quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý Quỹ HTDF. Giá dịch vụ quản lý quỹ được cố định trong suốt thời gian Công ty Quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho Quỹ HTDF.

Giá dịch vụ quản lý quỹ hàng tháng =
$$\frac{0,5\% * NAV \text{ vào ngày định giá} * \text{số ngày thực tế trong kỳ}}{365}$$

Điều 50. Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là giá dịch vụ được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Lưu ký để cung cấp dịch vụ lưu ký. Giá dịch vụ lưu ký là 0,045% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ và không thấp hơn 5.000.000 đồng/tháng. Giá dịch vụ lưu ký này chưa tính đến giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, giá dịch vụ phân bổ giao dịch chứng khoán thành công và được quy định trong hợp đồng lưu ký giữa Quỹ HTDF (đại diện là Công ty Quản lý quỹ) và Ngân hàng Lưu ký.

Giá dịch vụ lưu ký hàng tháng =
$$\frac{0,045\% * NAV \text{ vào ngày định giá} * \text{số ngày thực tế trong kỳ}}{365}$$

Điều 51. Chi phí khác

1. Các chi phí khác gồm:

- (a) Giá dịch vụ môi giới;
- (b) Thuế, phí và lệ phí phải trả cho nhà nước;
- (c) Chi phí lãi cho phép theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ;
- (d) Chi phí kiểm toán;
- (e) Chi phí định giá chứng khoán và các khoản đầu tư của Quỹ;
- (f) Phí điều chỉnh Điều lệ quỹ vì lợi ích của Thành viên góp vốn;
- (g) Chi phí tổ chức Đại hội nhà đầu tư hàng năm mà không phải theo yêu cầu hay vì lợi ích của Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Lưu ký;
- (h) Các chi phí liên quan đến in ấn, phát hành và các hoạt động thông báo liên quan đến Quỹ, phát hành Bản cáo bạch khi phát hành đơn vị quỹ;

- (i) Lương trả cho Ban đại diện quỹ;
- (j) Các khoản chi phí hợp pháp và hợp lệ khác được Ban đại diện quỹ thông qua.

2. Tổng các khoản phí này không được vượt quá 1% Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Điều 52. Phí thưởng hoạt động

Nhằm gắn kết quyền lợi của Công ty Quản lý quỹ với các Thành viên góp vốn, đồng thời khuyến khích tối đa hóa lợi nhuận cho Quỹ, Công ty Quản lý quỹ sẽ được Quỹ xem xét trả cho một khoản tiền thưởng gọi là thưởng hoạt động vào cuối mỗi Năm tài chính nếu như giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm đó vượt trên giá trị tài sản ròng tham chiếu.

Việc chi thưởng sẽ do Đại hội nhà đầu tư quyết định trong cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên. Đại hội nhà đầu tư sẽ căn cứ vào hiệu suất hoạt động trong năm của Quỹ cũng như xem xét định hướng trong những năm sau của Quỹ để ra quyết định chi thưởng.

- Trong trường hợp Quỹ đạt hiệu suất vượt mức tham chiếu, Đại hội nhà đầu tư vẫn có thể xem xét không chi thưởng, hoặc chi thưởng một phần cho Công ty Quản lý quỹ, nhằm tập trung cho các mục tiêu tăng trưởng dài hạn trong những năm sau;
- Trong trường hợp Quỹ ngừng hoạt động trước thời điểm kết thúc Năm tài chính, phí thưởng sẽ được tính trên cơ sở tính toán NAV cuối kỳ vào ngày Quỹ ngừng hoạt động tương ứng với số ngày hoạt động của Quỹ trong Năm tài chính.

(Tham khảo chi tiết về cách tính mức tham chiếu và mức thưởng hoạt động tại Phụ lục 5: Phương pháp xác định phí, thưởng hoạt động)

CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 53. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty Quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý quỹ

1. Công ty Quản lý quỹ phải:
 - (a) Tách bạch chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý;
 - (b) Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý quỹ với tài sản của các quỹ mà Công ty Quản lý quỹ quản lý, tài sản của Thành viên góp vốn ủy thác; tách biệt tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch Công ty Quản lý quỹ, thành viên ban giám đốc, thành viên ban kiểm soát, kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định tại Điều 29 Điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý quỹ.

CHƯƠNG XIV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 54. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quý sẽ được Công ty Quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện quỹ đã thông báo cho Quý.
3. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của Quý hàng tháng, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho Thành viên góp vốn trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Thành viên góp vốn.
4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quý hoặc người điều hành của Quý có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quý đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quý hay người điều hành Quý nhận.

Điều 55. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Điều lệ này chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quý chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quý.

Điều 56. Đăng ký Điều lệ

Bản Điều lệ này bao gồm 14 Chương, 57 Điều và 5 Phụ lục được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận và được đăng ký với UBCKNN. Điều lệ Quý hoặc các sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quý phải được đăng ký với UBCKNN và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 57. Điều khoản thi hành

Điều lệ Quý có hiệu lực thi hành ngay khi được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Đính kèm cùng Điều lệ các Phụ lục sau:

Phụ lục 1: Cam kết của Công ty Quản lý quỹ

Phụ lục 2: Cam kết của Ngân hàng Lưu ký

Phụ lục 3: Cam kết chung của Công ty Quản lý quỹ và Ngân Hàng lưu ký

Phụ lục 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Phụ lục 5: Phương pháp xác định phí, thường hoạt động

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26.. tháng 01 năm 2022

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN PHÚ VINH**

Người đại diện theo pháp luật



HUANG, WAN - HUI

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÚ THỊNH

Người đại diện theo pháp luật



LAN, WAN - CHEN

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG (PHFM)

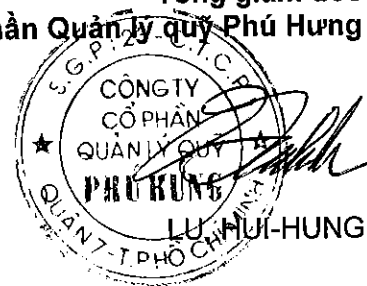
Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007.

Công ty Quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ HTDF:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ;
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Thành viên góp vốn;
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng lưu ký vào mọi thời điểm;
4. Trả cho Ngân hàng Lưu ký các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Lưu ký các thông tin sau:
 - (a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ đăng ký Thành viên góp vốn và số lượng đơn vị quỹ mà Thành viên góp vốn nắm giữ;
 - (b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - (c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
 - (d) Các thông tin có liên quan đến hoạt động quản lý quỹ và các nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Thành viên góp vốn theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc tài sản mà chính Công ty Quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty Quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp được pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại tới lợi ích của các Thành viên góp vốn.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Thành viên góp vốn theo yêu cầu.
11. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Thành viên góp vốn, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Thành viên góp vốn.

12. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quý có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
13. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quý giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng Lưu ký không thống nhất.
14. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng



PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIỀN PHONG (TPBANK)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-NHNN ngày 05/05/2008 cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các Tổ chức tín dụng. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 01/GCN-UBCK ngày 11/05/2011 bởi UBCKNN thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của quỹ.

Ngân hàng Lưu ký cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động lưu ký;
2. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng lưu ký đối với Quỹ;
3. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Thành viên góp vốn; thực hiện việc xác nhận báo cáo tài sản của Quỹ do Công ty Quản Lý Quỹ lập định kỳ ít nhất một tháng một lần đảm bảo khối lượng tài sản trong báo cáo là đúng, đầy đủ, chính xác với thực trạng tài sản lưu ký tại Ngân hàng lưu ký;
4. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng lưu ký, tài sản của Công ty Quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Lưu ký;
5. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ;

Đại diện có thẩm quyền

Ngân hàng TMCP Tiên Phong



GIÁM ĐỐC TT NGÂN HÀNG LƯU KÝ
KHỐI ĐẦU TƯ VÀ KHDN LỚN
Đỗ Phương Hà

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG LƯU KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG (PHFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG (TPBANK)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-NHNN ngày 05/05/2008 cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các Tổ chức tín dụng. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 01/GCN-UBCK ngày 11/05/2011 bởi UBCKNN thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Thành viên góp vốn;
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

Tổng Giám đốc
Công ty CP Quản lý quỹ Phú Hưng



Đại diện có thẩm quyền
Ngân hàng TMCP Tiên Phong



GIÁM ĐỐC TT NGÂN HÀNG LƯU KÝ
KHỐI ĐẦU TƯ VÀ KINH LỚN
Đỗ Phương Hà

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

I. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ CÁC LOẠI TÀI SẢN

A. Giá trị tài sản chính

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none">- Giá đóng cửa trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế
6.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none">- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế
Cổ phiếu		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none">- Giá cuối ngày (giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá);

		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối ngày (giá cơ sở hoặc giá tham chiếu cho ngày giao dịch tiếp theo hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối ngày của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp

Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/ Bloomberg / VNBF...) để tham khảo;

B. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
2. Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
-----	------------------	-----------------

1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được ban đại diện quỹ chấp thuận

3. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

II. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ HTDF

a) Ngày định giá

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tháng vào Ngày định giá. Ngày định giá là ngày làm việc cuối cùng của tháng mà Công ty Quản lý quỹ tính giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Trong trường hợp Công ty Quản lý quỹ thay đổi Ngày định giá, Công ty Quản lý quỹ phải có được sự chấp thuận của Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện.

b) Phương pháp định giá:

- *Giá trị tài sản ròng của Quỹ (Net Asset Value – NAV)*

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được tính bằng cách lấy tổng giá trị các tài sản của Quỹ trừ đi tổng các khoản nợ của Quỹ, bao gồm tất cả các khoản phí và các khoản phải trả vào ngày định giá.

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

$$\frac{\text{Tổng tài sản của Quỹ}}{\text{- Tổng các khoản nợ của Quỹ}} \\ \text{Giá trị tài sản ròng (NAV)}$$

Trong đó:

- *Tổng tài sản của Quỹ* là giá trị các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi, lợi nhuận được chia, lãi tiền gửi ngân hàng và tiền chưa dùng để đầu tư tính đến Ngày định giá.
 - *Tổng nợ của Quỹ* gồm các khoản nợ và nghĩa vụ của Quỹ tính đến Ngày định giá.
- *Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

$$V = \frac{\text{NAV}}{N}$$

Trong đó:

- V: Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ.
- N: Tổng số đơn vị quỹ

PHỤ LỤC 5: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH PHÍ, THƯỜNG HOẠT ĐỘNG

I. Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày định giá và được trả hàng tháng cho Công ty Quản lý quỹ PHFM để thực hiện các dịch vụ quản lý Quỹ HTDF. Giá dịch vụ quản lý quỹ được cố định trong suốt thời gian Công ty Quản lý quỹ PHFM cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho Quỹ HTDF.

$$\text{Giá dịch vụ quản lý quỹ hàng tháng} = \frac{0,5\% * \text{NAV vào ngày định giá} * \text{số ngày thực tế trong kỳ}}{365}$$

II. Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là chi phí được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Lưu ký để cung cấp dịch vụ lưu ký. Giá dịch vụ lưu ký là 0,045% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ và không thấp hơn 5.000.000 đồng/tháng. Giá dịch vụ lưu ký này chưa tính đến giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, giá dịch vụ phân bổ giao dịch chứng khoán thành công và được quy định trong hợp đồng lưu ký giữa Quỹ HTDF (đại diện là Công ty Quản lý quỹ PHFM) và Ngân hàng Lưu ký.

$$\text{Giá dịch vụ lưu ký hàng tháng} = \frac{0,045\% * \text{NAV vào ngày định giá} * \text{số ngày thực tế trong kỳ}}{365}$$

III. Chi phí khác

Các chi phí khác gồm:

- (a) Giá dịch vụ môi giới;
- (b) Thuế, phí và lệ phí phải trả cho nhà nước;
- (c) Chi phí lãi cho phép theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ;
- (d) Chi phí kiểm toán;
- (e) Chi phí định giá chứng khoán và các khoản đầu tư của Quỹ;
- (f) Phí điều chỉnh Điều lệ quỹ vì lợi ích của Thành viên góp vốn;
- (g) Chi phí tổ chức Đại hội nhà đầu tư hàng năm mà không phải theo yêu cầu hay vì lợi ích của Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Lưu ký;
- (h) Các chi phí liên quan đến in ấn, phát hành và các hoạt động thông báo liên quan đến Quỹ, phát hành Bản cáo bạch khi phát hành đơn vị quỹ;
- (i) Lương trả cho Ban đại diện quỹ;
- (j) Các khoản chi phí hợp pháp và hợp lệ khác được Ban đại diện quỹ thông qua.

Tổng các khoản phí này không được vượt quá 1% Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

IV. Phí thường hoạt động

a) Quy định chung

Nhằm gắn kết quyền lợi của Công ty Quản lý quỹ với các Thành viên góp vốn, đồng thời khuyến khích tối đa hóa lợi nhuận cho Quý, Công ty Quản lý quỹ sẽ được Quý xem xét trả cho một khoản tiền thưởng gọi là thưởng hoạt động vào cuối mỗi Năm tài chính nếu như giá trị tài sản ròng của Quý trong năm đó vượt trên giá trị tài sản ròng tham chiếu.

Việc chi thưởng sẽ do Đại hội nhà đầu tư quyết định trong cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên. Đại hội nhà đầu tư sẽ căn cứ vào hiệu suất hoạt động trong năm của Quý cũng như xem xét định hướng trong những năm sau của Quý để ra quyết định chi thưởng.

- Trong trường hợp Quý đạt hiệu suất vượt mức tham chiếu, Đại hội nhà đầu tư vẫn có thể xem xét không chi thưởng, hoặc chi thưởng một phần cho Công ty Quản lý quỹ, nhằm tập trung cho các mục tiêu tăng trưởng dài hạn trong những năm sau;
- Trong trường hợp Quý ngừng hoạt động trước thời điểm kết thúc Năm tài chính, phí thưởng sẽ được tính trên cơ sở tính toán NAV cuối kỳ vào ngày Quý ngừng hoạt động tương ứng với số ngày hoạt động của Quý trong Năm tài chính.

b) Phương pháp xác định thưởng hoạt động:

$$\text{Thưởng theo hoạt động} = 10\% \times (\text{NAV}_{\text{cuối năm}} - \text{NAV}_{\text{tham chiếu}})$$

Trong đó:

- $\text{NAV}_{\text{tham chiếu}} = (\text{số lớn hơn giữa Vốn điều lệ Quý và NAV}_{\text{đầu năm}}) \times (1 + 5\%)$
- $\text{NAV}_{\text{cuối năm}} = \text{giá trị tài sản ròng Quý vào ngày định giá cuối cùng của Năm tài chính} + \text{lợi tức Quý đã chi trả cho thành viên trong Năm tài chính (nếu có)}$

Trong trường hợp Quý ngừng hoạt động trước thời điểm kết thúc Năm tài chính, phí thưởng sẽ được tính trên cơ sở tính toán NAV cuối kỳ vào ngày Quý ngừng hoạt động tương ứng với số ngày hoạt động của Quý trong Năm tài chính.

Ví dụ minh họa:

Quý có vốn điều lệ 50 tỷ đồng, bắt đầu hoạt động từ 01/01/2016. Năm tài chính là 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Trường hợp 1:

$\text{NAV}_{\text{đầu năm}} = 50 \text{ tỷ đồng}$

$\text{NAV tại ngày định giá cuối cùng của Năm tài chính} = 50 \text{ tỷ đồng}$

Lợi tức đã chi trả cho Thành viên góp vốn trong Năm tài chính = 1 tỷ đồng

$$NAV_{\text{cuối năm}} = 50 + 1 = 51 \text{ tỷ đồng}$$

$$NAV_{\text{tham chiếu}} = NAV_{\text{đầu năm}} \times (1 + 5\%) = 50 \times (1 + 5\%) = 52.5 \text{ tỷ đồng}$$

$$NAV_{\text{cuối năm}} < NAV_{\text{tham chiếu}}$$

Do đó Công ty Quản lý quỹ không được thưởng.

Trường hợp 2:

NAV_{đầu năm} = 49 tỷ đồng

NAV tại ngày định giá cuối cùng của Năm tài chính = 50 tỷ đồng

Lợi tức đã chi trả cho Thành viên góp vốn trong Năm tài chính = 1 tỷ đồng

$$NAV_{\text{cuối năm}} = 50 + 1 = 51 \text{ tỷ đồng}$$

Do NAV_{đầu năm} = 49 tỷ, nhỏ hơn Vốn điều lệ, nên NAV_{tham chiếu} sẽ được tính trên Vốn điều lệ (50 tỷ đồng) như sau:

$$NAV_{\text{tham chiếu}} = \text{Vốn điều lệ} \times (1 + 5\%) = 50 \times (1 + 5\%) = 52.5 \text{ tỷ đồng}$$

$$NAV_{\text{cuối năm}} < NAV_{\text{tham chiếu}}$$

Do đó Công ty Quản lý quỹ không được thưởng.

Trường hợp 3:

NAV_{đầu năm} = 51 tỷ đồng

NAV tại ngày định giá cuối cùng của Năm tài chính = 53.5 tỷ đồng

Lợi tức đã chi trả cho Thành viên góp vốn trong Năm tài chính = 1.5 tỷ đồng

$$NAV_{\text{cuối năm}} = 53.5 + 1.5 = 55 \text{ tỷ đồng}$$

$$NAV_{\text{tham chiếu}} = NAV_{\text{đầu năm}} \times (1 + 5\%) = 51 \times (1 + 5\%) = 53.55 \text{ tỷ đồng}$$

$$NAV_{\text{cuối năm}} > NAV_{\text{tham chiếu}}$$

Do đó Công ty Quản lý Quỹ được thưởng với mức tối đa như sau:

$$\text{Thưởng theo hoạt động} = 10\% \times (NAV_{\text{cuối năm}} - NAV_{\text{tham chiếu}})$$

$$= 10\% \times (55 - 53.55) = 0.145 \text{ tỷ đồng}$$

(hoặc 145 triệu đồng)

Đại hội nhà đầu tư thường niên sẽ ra quyết định chi thưởng toàn bộ hoặc thấp hơn mức 145 triệu đồng cho Công ty Quản lý quỹ, hoặc quyết định không chi trả nếu xét thấy việc không chi trả là cần thiết cho lợi ích dài hạn của Quý.

Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng

